

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH
TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST

Ngày: 20/6/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trương Văn Ánh**

- Ông **Trần Ngọc Đức**

- **Thư ký phiên toà:** Ông **Trần Thanh Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** Bà **Lê Phương** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2023TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1

Trụ sở chính: số A P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ nhận văn bản: 86 Nguyễn Văn T, khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T1**, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 (*theo Quyết định 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022*): Bà **Lê Thị Ngọc N**, chức vụ: Phó giám đốc phòng G – Chi nhánh V

Người đại diện theo ủy quyền của bà N (*theo Quyết định số 25/QĐ-DAB-BMH ngày 09/4/2024*): Ông **Nguyễn Hoàng K**, chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Trần Thanh T2**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh tỉnh V - P (gọi tắt là D) đã cấp tín dụng cho ông Trần Thanh T2 với tổng hạn mức là 28.000.000 đồng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 23/4/2014 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 25/4/2014, theo đó: Số tiền vay là 28.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm (bằng 1,5% lần lãi suất cho vay trong hạn), thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 25/4/2014 đến ngày 25/4/2017), mục đích vay là tiêu dùng, biện pháp bảo đảm là tín chấp.

Trong quá trình vay từ ngày 25/4/2014 đến ngày 19/6/2023 ông Trần Thanh T2 chỉ trả được số tiền vốn là 7.311.532 đồng, lãi trong hạn là 4.868.468 đồng, tổng cộng là 12.180.000 đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến hết ngày 19/6/2023 ông Trần Thanh T2 còn nợ các khoản sau:

- Vốn: 20.688.468 đồng,
- Lãi trong hạn: 3.531.532 đồng
- Lãi quá hạn: 22.094.618 đồng.

Tổng cộng là 46.314.618 đồng

Do đó, D yêu cầu ông Trần Thanh T2 có nghĩa vụ trả tổng số nợ còn thiếu nêu trên, đồng thời yêu cầu ông T2 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/6/2023 đến khi trả hết nợ cho D.

Tại phiên tòa

- Ông Nguyễn Hoàng K trình bày: Ông yêu cầu ông Trần Thanh T2 trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 tính đến ngày hôm nay (ngày 20/6/2024) số tiền vốn là 20.688.468 đồng, lãi trong hạn là 3.531.532 đồng, lãi quá hạn là 25.206.509 đồng, tổng cộng là 49.426.509 đồng, đồng thời yêu cầu ông T2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận với mức lãi suất là 15% từ ngày 21/6/2024 đến khi trả hết nợ cho D. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*bị đơn còn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/01/2024, 21/02/2024 và phiên tòa ngày 04/6/2024*).

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1, buộc ông Trần Thanh T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền nợ gốc là 20.688.468 đồng, lãi trong hạn là 3.531.532 đồng, lãi quá hạn là 25.206.509 đồng, tổng cộng là 49.426.509 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày ông T2 thực hiện trả hết nợ cho D.

Về án phí: Buộc ông Trần Thanh T2 nộp 2.471.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 1.158.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo lai thu số 0013234 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ông Trần Thanh T2 vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ1 với mục đích là tiêu dùng, trong quá trình vay ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, ông T2 có nơi cư trú tại tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (theo *Phiếu trả lời kết quả xác minh nơi cư trú ngày 29/3/2024 của Công an xã T*) nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và tiến hành các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bị đơn Trần Thanh T2 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 23/4/2024 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 25/4/2014 thể hiện D đã giải ngân cho ông Trần Thanh T2 vay số tiền 28.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng với tổng số tiền lãi trong hạn là 8.400.000 đồng (10%/năm), lãi suất quá hạn là 15%/năm (bằng 1,5% lần lãi suất cho vay trong hạn), phương thức vay là trả góp theo kỳ (mỗi tháng 01 kỳ và kỳ trả cuối cùng là vào ngày 25/4/2017) và ông T2 đã ký nhận tiền vào ngày 25/4/2014 (BL 11).

Trong quá trình vay tính đến ngày 14/9/2015 ông T2 chỉ trả cho D số tiền nợ gốc là 7.311.532 đồng và lãi trong hạn là 4.868.468 đồng, tổng số tiền là 12.180.000 đồng (theo *sao kê hoạt động của ngân hàng từ ngày 25/4/2014 đến ngày 20/6/2024*), đối với số tiền nợ gốc còn lại là 20.688.468 đồng và tiền lãi trong hạn là 3.531.532 thì ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiếp cho D. Như vậy do ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc D đã chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn và tính theo mức lãi suất là 15%/năm là phù hợp theo thỏa thuận và theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Đối với ông Trần Thanh T2 theo kết quả xác minh về sự có mặt, vắng mặt của ông T2 tại nơi cư trú thì ông T2 có đăng ký thường trú tại tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và hiện có mặt tại địa phương (theo *Phiếu trả lời xác minh nơi cư trú số 11/TLYCXM ngày 29/3/2024 của Công an xã T*) (BL 64) và tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024 đối với ông Trần Tấn Đ (cha ruột của T2) thì ông Đ xác nhận ông có nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của

Tòa án thay cho ông T2 và đã giao lại cho ông T2 nhưng do bận đi làm nên ông T2 không đến Tòa án được. Như vậy, việc ông T2 không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, cũng như không giao nộp văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ1 cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay vốn và trả nợ cho Đ2 là cố tình vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ, buộc ông Trần Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền nợ gốc là 20.688.468 đồng, lãi trong hạn là 3.531.532 đồng và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/6/2024 là 25.206.509 đồng, tổng cộng là 49.426.509 đồng, đồng thời buộc ông T2 tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/6/2024 đến khi trả hết số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận là 15%/năm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền cụ thể như sau: 49.426.509 đồng đồng x 5% = 2.471.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm , sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1

Buộc ông Trần Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền nợ gốc là 20.688.468 đồng (*hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*), lãi trong hạn còn lại là 3.531.532 đồng (*ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn năm trăm ba mươi hai đồng*) và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/6/2024 là 25.206.509 đồng (*hai mươi lăm triệu, hai trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm lẻ chín đồng*), tổng cộng là 49.426.509 đồng (*bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày 21/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 15%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Thanh T2 nộp số tiền 2.271.000 đồng (*hai triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm ứng án phí là 1.158.000 đồng (*một triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0013234 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Ánh Trần Ngọc Đức

Huỳnh Ngọc Sương